

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26-9-2025

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Chí Thanh.

Bà Bùi Nguyễn Tuyết Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

Trong các ngày 09-9-2025 và ngày 26-9-2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp (Trụ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 159/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bùi Thị Thủy T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Lê Minh H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà T vắng mặt có đơn, ông H vắng mặt lần thứ 2 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Lời trình bày của nguyên đơn Bùi Thị Thủy T: Trước đây bà T và ông H sống chung với nhau như vợ chồng. Đến năm 2002, bà T và ông H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp). Trong quá trình chung sống có 03 con chung tên là Lê Thị Diễm P, sinh năm 1992; Lê Thị Mộng L, sinh năm 1997 và Lê Thị Ngọc Q, sinh năm 2002. Trong thời gian chung sống vợ chồng có hạnh phúc, dần về sau cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm và không còn hạnh phúc. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không hàn

gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên có sống chung cũng không hạnh phúc. Vì vậy, nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp giải quyết những vấn đề sau đối với bị đơn: Về hôn nhân: Bà Bùi Thị Thủy T yêu cầu được ly hôn với ông Lê Minh H; Về con chung: Có 03 con chung tên là Lê Thị Diễm P, sinh năm 1992; Lê Thị Mộng L, sinh năm 1997 và Lê Thị Ngọc Q, sinh năm 2002 hiện nay đã thành niên tự lao động sinh sống được, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Minh H: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không có gửi văn bản ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Bùi Thị Thủy T có đơn xin vắng mặt; Bị đơn Lê Minh H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà T và ông H sống chung có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp ngày 17-10-2002 (Nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) nên hôn nhân của bà T và ông H là hợp pháp.

Trong thời gian chung sống giữa bà T và ông H có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến tình cảm không còn nên bà T khởi kiện ly hôn với ông H tại Tòa án.

Ngày 25-7-2025, ông Lê Minh H đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án với nội dung khởi kiện của bà Bùi Thị Thủy T như đã nêu trên nhưng ông Lê Minh H không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không phản đối gì đối với yêu cầu của bà T nên yêu cầu của bà T là có đủ căn cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy quan hệ hôn nhân của vợ chồng bà T và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, vậy nên nếu có tiếp tục sống chung cũng không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị Thủy T đối với ông Lê Minh H.

[2.2] Về con chung: Có 03 con chung tên là Lê Thị Diễm P, sinh năm 1992; Lê Thị Mộng L, sinh năm 1997 và Lê Thị Ngọc Q, sinh năm 2002 đã thành niên tự lao động sinh sống được, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *“Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*, vậy bà Bùi Thị Thủy T chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0000920 ngày 24-7-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, bà Bùi Thị Thủy T đã nộp đủ án phí. Ông Lê Minh H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 28, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 9, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bùi Thị Thủy T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Thủy T được ly hôn với ông Lê Minh H.
2. Về con chung: Có 03 con chung tên là Lê Thị Diễm P, sinh năm 1992; Lê Thị Mộng L, sinh năm 1997 và Lê Thị Ngọc Q, sinh năm 2002 đã thành niên tự lao động sinh sống được, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:

Bà Bùi Thị Thủy T có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0000920 ngày 24-7-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, bà Bùi Thị Thủy T đã nộp đủ án phí.

Ông Lê Minh H không phải chịu án phí.

5. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 12 – Đồng Tháp;
- UBND xã Thông Bình, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (Nay là UBND xã Tân Thành, tỉnh Đồng Tháp);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bé Hương